

**TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA VLA VỀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI BỔ SUNG:
NGHỊ ĐỊNH 08/2015/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP
QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN,
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT HẢI QUAN**

Đơn vị báo cáo: Ban Hải Quan và Thuận lợi hóa thương mại

STT trong dự thảo	Quy định hiện hành	Nội dung Dự Thảo sửa đổi bổ sung	Góp ý và Lý do góp ý	Ghi chú
3	<p>Điều 5. Người khai hải quan Người khai hải quan gồm:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan.2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền.3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế.4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.5. Đại lý làm thủ tục hải quan.6. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác.	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 5 như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây:4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.	<p>Đề nghị bổ sung:</p> <p>5. Người thực hiện dịch vụ vận chuyển liên vận quốc tế, nội địa theo hợp đồng thương mại với bên bán hoặc bên mua.</p> <p><u>Lý do:</u> Trong hợp đồng thương mại vận chuyển liên vận quốc tế, có trường hợp công ty logistics thực hiện trọn khâu từ gom hàng, vận chuyển quốc tế và thủ tục hải quan từ kho người bán đến kho người mua.</p>	

Điều 21. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa.

2. Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.

3. Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định và giải phóng hàng hóa theo quy định, người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo.

a) Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định thì thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.

b) Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan **đề nghị người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn.** Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời

Điều 21. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan **đến xác định trị giá hải quan** và thực tế hàng hóa.

2. Xử lý kết quả kiểm tra trị giá hải quan khi làm thủ tục hải quan:

a) Trong thời hạn kiểm tra hồ sơ hải quan trường hợp không có nghi vấn hoặc sau khi tham vấn chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá, do người khai hải quan tự xác định và kê khai, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá kê khai.

b) Trong thời hạn kiểm tra hồ sơ hải quan, trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá do người khai hải quan tự xác định và kê khai, cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan, ban hành văn bản thông báo trị giá hải quan và quyết định ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa.

c) Trong thời hạn kiểm tra hồ sơ hải quan, trường hợp nghi vấn về trị giá ~~khai báo~~ do người khai hải quan tự xác định và kê khai nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, thời gian, địa điểm tham vấn và giải phóng hàng hóa theo quy định. Người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá.

Sau khi tham vấn, trường hợp bác bỏ trị giá do người khai hải quan tự xác định và kê khai, cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan, ban hành văn bản thông báo trị giá hải quan và quyết định ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa.

Đề nghị không bổ sung sửa đổi
“Sau khi tham vấn, trường hợp bác bỏ trị giá do người khai hải quan tự xác định và kê khai, cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan, ban hành văn bản thông báo trị giá hải quan và quyết định ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa”

- Công chức HQ chỉ xem xét hồ sơ HQ, trong thời gian ngắn ...nên khả năng xảy ra nhiều sai sót
- Việc được ấn định thuế này có hình thức bắt buộc, chưa trên hình thức công bằng ; không cho DN có thời gian cân nhắc thêm các khả năng khác
- Khả năng Doanh nghiệp không biết hồ sơ bị ấn định thuế → đóng thuế bổ sung không đúng hạn, bị oan do không nhận được ấn định

	<p>hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.</p> <p>c) Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo.</p> <p>4. Trường hợp không thuộc khoản 2, 3 Điều này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông <i>quan hàng hóa theo quy định</i>.</p>			
20	<p>Điều 30. Xử lý kết quả kiểm tra hải quan</p> <p>1. Trường hợp người khai hải quan nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan của hàng hóa thì thực hiện việc khai bổ sung các nội dung theo yêu cầu của cơ quan hải quan và xử lý theo quy định pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì người khai hải quan thực hiện khiếu nại hoặc được lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định để thực hiện việc giám định hàng hóa theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khai hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định, cơ quan hải quan căn cứ kết luận của cơ quan, tổ chức giám định để quyết định việc thông quan.</p> <p>2. Trường hợp cơ quan hải quan không nhất trí với kết quả giám định do người khai hải quan cung cấp, cơ quan hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định và căn cứ vào kết quả giám định này để quyết định việc thông quan. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết luận kiểm tra của cơ quan hải</p>	<p>Điều 30. Xử lý kết quả kiểm tra hải quan</p> <p>1. Trường hợp cơ quan hải quan kiểm tra xác định người khai hải quan khai sai so với thực tế về tên hàng, mã số, xuất xứ, số lượng, khối lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai sửa đổi, bổ sung (trừ trường hợp không được khai sửa đổi, bổ sung) và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu hình sự thì tiến hành điều tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền.</p> <p>2. Trường hợp người khai hải quan không thực hiện khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế và xử lý vi phạm theo quy định. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, số lượng, khối lượng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan thì thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi quy định theo hướng giống như quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP</p> <p>- Theo dự thảo: Như vậy, nếu doanh nghiệp không đồng ý với kết quả giám định hàng hóa, doanh nghiệp chỉ có 2 lựa chọn hoặc khiếu nại hoặc là khởi kiện. Trên thực tế phân xếp loại hàng hoá là rất phức tạp, không chỉ tại VN, gây nhiều tranh cãi trên thế giới</p> <p>Ngành HQ VN cũng đã có nhiều phân xếp loại sai và sau khi doanh nghiệp khiếu kiện đã phải điều chỉnh lại (có bằng chứng)</p> <p>- Hệ quả việc ấn định mã số thuế sai là rất lớn: dẫn đến truy thu không phải 01 lô hàng mà cho hàng loạt lô hàng trong thời gian dài; có thể lên đến trăm triệu, trăm tỉ → doanh nghiệp có thể phá sản và vi phạm pháp luật → cần có quy trình chặt chẽ hơn kiểm soát quy trình xác định Mã số thuế, chứ không phải theo hướng trao quyền rộng rãi hơn cho ngành Hải quan</p> <p>- Quy định này là không phù hợp vì việc khiếu nại hoặc khởi kiện</p>	

	quan thì thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.		(hành chính) thường tốn rất nhiều chi phí và đặc biệt cực kỳ tốn thời gian. Không phải DN NK nào dù biết oan nhưng cũng có thể thu thập được nhiều/đầy đủ tài liệu để kiện lại kết quả đã ấn định - Kết quả giám định hàng hóa mang tính kỹ thuật chứ không liên quan nhiều đến mặt pháp lý, do đó giải pháp này chỉ nên là là giải pháp cuối cùng doanh nghiệp muốn lựa chọn.	
22		Điều 43. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh	Đề nghị bổ sung: “e) Trong trường hợp hàng hóa quá cảnh thực hiện chuyên cảng đích từ cảng dỡ hàng trong nội địa, người khai hải quan, người vận chuyển Thực hiện thủ tục đối với hàng hóa chịu sự giám sát hải quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính” <i>(Đề nghị bổ sung quy định cho phép vận chuyển hàng hóa quá cảnh qua nhiều cảng biển trong nội địa để phát triển được vận tải nội địa, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước)</i>	Đề nghị bổ sung đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh nhập khẩu vào cảng dỡ hàng trong nội địa, sau đó tiếp tục vận chuyển đến cảng đích ghi trên vận đơn để giao hàng cho chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền để làm thủ tục hải quan quá cảnh theo quy định.
23	Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển	Điều 44: Giữ nguyên	Đề nghị bổ sung: Trong trường hợp hàng hóa trung chuyển có thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương tiện vận tải, người khai hải quan gửi Chi cục hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, chia tách, thay đổi phương thức phương tiện vận tải, văn bản đề nghị theo mẫu số tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp được chấp nhận, thực hiện thủ tục giám sát hải quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Một số trường hợp hàng hóa lưu giữ trong phương tiện vận tải của hãng vận chuyển không được phép nhập cảnh vào 1 số nước khu vực Trung Á, Châu Phi ... hoặc trong quá trình lưu giữ tại khu vực trung chuyển, phát sinh hư hỏng hàng hóa, cần phải lưu kho, chuyển hàng sang phương tiện vận tải khác để bảo quản hàng hóa.

24	<p>Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu 2. Hồ sơ hải quan; 4. Cơ quan hải quan không thu thuế đối với hàng hóa tái nhập quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu tại thời điểm làm thủ tục tái nhập người khai hải quan nộp đủ bộ hồ sơ không thu thuế theo quy định.</p>	<p>Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu 2. Hồ sơ hải quan; 4. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.</p>	<p>- NĐ dự thảo sửa đổi đã điều chỉnh quy định để phù hợp với loại hình tạm nhập miễn thuế G13 theo quyết định Số: 1357/QĐ-TCHQ ngày 1.6.2021</p>	
30	<p>Điều 53. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm 2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập: a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành; b) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất - tái nhập để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp; c) Giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau: 2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập: a) Tờ khai hải quan; b) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất, tái nhập để giới thiệu sản phẩm) khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chụp; c) Giấy phép tạm xuất, tái nhập, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật liên quan khi làm thủ tục tạm xuất: 01 bản chính; d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt khi làm thủ tục tái nhập: 01 bản chụp;</p>	<p>Đề nghị không quy định kiểm tra chuyên ngành (trừ kiểm dịch và văn hóa). <u>Lý do:</u> Thực tế đối với hàng nhập phục vụ Hội nghị, hội thảo, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm thường sử dụng tại VN trong 1 khoảng thời gian ngắn, và cần gấp, nếu phải kiểm tra chuyên ngành thì sẽ ảnh hưởng đến công việc.</p>	
32	<p>Điều 55. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế 1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất: a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành; b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp; c) Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.</p>	<p>Điều 55. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế 1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất: a) Tờ khai hải quan; b) Khi làm thủ tục tạm nhập nộp thêm các chứng từ sau: b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp; b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật liên quan: 01 bản chính; b.3) Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để bảo</p>	<p>Đề nghị không kiểm tra chuyên ngành (trừ kiểm dịch và văn hóa). <u>Lý do:</u> Vì thực tế hàng không sử dụng tại Việt Nam.</p>	

		hành, có ghi rõ điều khoản thay thế trong trường hợp thay thế) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để sửa chữa): 01 bản chụp.		
66	<p>Điều 106. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan</p> <p>2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:</p> <p>a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan;</p> <p>c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước khác;</p> <p>d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê;</p> <p>đ) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan.</p>	<p>Điều 106. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan</p> <p>2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:</p> <p>a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;</p> <p>b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan;</p> <p>c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước khác;</p> <p>d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê;</p> <p>đ) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan.</p> <p>e) Cung cấp thông tin hải quan cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết.</p>	<p>- Kiến nghị: Bổ sung thêm cung cấp thông tin về tên và số điện thoại liên lạc của công chức Hải quan tiếp nhận trên mỗi tờ khai Hải quan điện tử</p> <p>- Bổ sung thêm việc xác nhận lên mỗi tờ khai điện tử về việc công chức Hải quan đã tiếp nhận chứng từ gốc thuộc hồ sơ Hải quan từ người khai Hải quan</p>	<p>- Nâng cao ý thức phòng chống dịch Covid, tránh tiếp xúc trực tiếp khi làm thủ tục hoặc phải di chuyển đến cơ quan Hải quan để kiểm tra thông tin cán bộ Hải quan tiếp nhận hồ sơ.</p>